

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2012**

## MỤC LỤC

	Trang
- Bảng cân đối kế toán	2-3
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5
- Thuyết minh báo cáo tài chính	6-16

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
Địa chỉ: Số 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

STT	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>89,375,760,691</b>	<b>98,876,432,153</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>		<b>25,427,258,281</b>	<b>17,564,365,207</b>
1.	Tiền	V.1	1,427,258,281	4,064,365,207
2.	Các khoản tương đương tiền		24,000,000,000	13,500,000,000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>55,468,940,804</b>	<b>66,223,196,879</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	V.2	58,951,317,083	72,898,419,565
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3,482,376,279)	(6,675,222,686)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8,428,250,400</b>	<b>15,087,870,067</b>
1.	Phải thu khách hàng		7,412,442,904	12,956,090,252
2.	Trả trước cho người bán		159,614,856	117,682,438
5.	Các khoản phải thu khác		856,192,640	2,014,097,377
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		-	-
1.	Hàng tồn kho		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>51,311,206</b>	<b>1,000,000</b>
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	V.5	41,311,206	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác		10,000,000	1,000,000
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>65,926,935,481</b>	<b>67,337,037,800</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>276,749,645</b>	<b>362,922,743</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.8	272,749,645	354,422,743
	- Nguyên giá		752,925,563	752,925,563
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(480,175,918)	(398,502,820)
3.	Tài sản cố định vô hình	V.10	4,000,000	8,500,000
	- Nguyên giá		30,000,000	30,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26,000,000)	(21,500,000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	V.11	<b>29,210,314,500</b>	<b>29,210,314,500</b>
1.	- Nguyên giá		29,210,314,500	29,210,314,500
2.	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.13	<b>36,424,370,212</b>	<b>37,744,370,212</b>
1.	Đầu tư vào công ty con		6,000,000,000	6,000,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		13,000,000,000	14,320,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác		17,500,000,000	17,500,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		(75,629,788)	(75,629,788)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15,501,124</b>	<b>19,430,345</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	V.14	15,501,124	19,430,345
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>155,302,696,172</b>	<b>166,213,469,953</b>

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**  
 Địa chỉ: Số 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

STT	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2,717,936,503</b>	<b>8,392,692,368</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2,687,936,503</b>	<b>8,392,692,368</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn		-	-
2.	Phải trả người bán		1,893,287	325,300
3.	Người mua trả tiền trước		-	-
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	V.16	330,690,529	659,211,585
5.	Phải trả người lao động		367,864,318	336,334,182
6.	Chi phí phải trả	V.17	-	183,950,000
7.	Phải trả nội bộ		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD		-	-
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	V.18	881,125,683	6,551,513,441
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,106,362,686	661,357,860
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>30,000,000</b>	-
3.	Phải trả dài hạn khác		30,000,000	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>152,584,759,669</b>	<b>157,820,777,585</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>152,584,759,669</b>	<b>157,820,777,585</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		134,257,000,000	134,257,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần		22,834,332,577	22,834,332,577
3.	Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)		(17,802,679,500)	(15,280,840,625)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển		1,626,209,416	1,063,129,590
8.	Quỹ dự phòng tài chính		1,728,243,642	1,165,163,816
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		101,428,175	295,205,605
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9,840,225,359	13,486,786,622
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>155,302,696,172</b>	<b>166,213,469,953</b>

**Kế toán trưởng**

**Bùi Văn Dũng**

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2012

**Phó Giám đốc**

**Nguyễn Thị Hồng Điệp**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ III/2012**

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	5.23	<b>1,319,363,822</b>	<b>6,256,900,174</b>	<b>4,219,203,630</b>	<b>17,541,235,651</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1,319,363,822</b>	<b>6,256,900,174</b>	<b>4,219,203,630</b>	<b>17,541,235,651</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.25	918,618,770	4,965,405,354	2,675,027,041	13,218,667,442
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>400,745,052</b>	<b>1,291,494,820</b>	<b>1,544,176,589</b>	<b>4,322,568,209</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.26	<b>2,095,972,062</b>	<b>4,862,390,824</b>	<b>10,270,690,994</b>	<b>13,173,022,876</b>
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	5.27	346,987,578	624,690,600	(1,716,103,104)	7,168,254,850
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	70,374,545
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		416,062,734	450,171,012	1,534,307,104	1,330,631,015
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1,733,666,802</b>	<b>5,079,024,032</b>	<b>11,996,663,583</b>	<b>8,926,330,675</b>
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	300,000,000
12.	Chi phí khác	32		-	-	566,114,638	-
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		-	-	<b>(566,114,638)</b>	<b>300,000,000</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1,733,666,802</b>	<b>5,079,024,032</b>	<b>11,430,548,945</b>	<b>9,226,330,675</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	422,963,701	1,202,107,131	2,603,100,160	1,907,799,462
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1,310,703,101</b>	<b>3,876,916,901</b>	<b>8,827,448,785</b>	<b>7,318,531,213</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	5.29	<b>122</b>	<b>315</b>	<b>820</b>	<b>595</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/9/2012</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/9/2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>11,430,548,945</b>	<b>9,226,330,675</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	86,173,098	95,383,507
- Các khoản dự phòng	03	(3,192,846,407)	579,245,432
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,366,881,641)	(2,971,003,834)
- Chi phí lãi vay	06	305,556	9,000,000
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>957,299,551</b>	<b>6,938,955,780</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6,659,619,667	(16,270,338,266)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	280,000
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải)	11	5,683,849,865	(113,697,108)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	20,594,723	(23,708,909)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(305,556)	(9,000,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,797,362,586)	(2,919,746,123)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,693,809,868)	(474,330,415)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>8,829,885,796</b>	<b>(12,871,585,041)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(10,500,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	13,013,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26,263,183,675)	(56,927,431,623)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	36,618,079,612	63,721,772,348
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8,203,166,250)	(6,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2,931,972,560	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,233,391,906	7,081,293,241
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>12,317,094,153</b>	<b>20,878,133,966</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(2,521,838,875)	(6,661,033,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		250,305,556	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(250,305,556)	(4,500,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10,762,248,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(13,284,086,875)</b>	<b>(11,161,033,000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>7,862,893,074</b>	<b>(3,154,484,075)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17,564,365,207</b>	<b>37,458,076,634</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>25,427,258,281</b>	<b>34,303,592,559</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2012  
 Phó Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Nguyễn Thị Hồng Điệp

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: EFI., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 là 134.257.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

	Đơn vị: VND	
	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	1.250.000.000	1.250.000.000
- Cổ đông khác	<u>117.717.000.000</u>	<u>117.717.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>134.257.000.000</u></b>	<b><u>134.257.000.000</u></b>

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012 là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

**Năm tài chính/kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:



Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản khác	05

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền:**

		Đơn vị: VND
		<u>30/09/2012</u> <u>01/01/2012</u>
- Tiền mặt	(i)	119.320.268      48.180.433
- Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.307.938.013      4.016.184.774
Các khoản tương đương tiền(*)		24.000.000.000      13.500.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN/HN

**Cộng****25.427.258.281****17.564.365.207**

(\*): Khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng không quá 3 tháng.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn:**

	Đơn vị: VND	
	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Đầu tư chứng khoán	12.349.231.304	16.483.133.786
Tiền gửi gửi có kỳ hạn		
Cho vay vốn ngắn hạn	46.602.085.779	56.415.285.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.482.376.279)	(6.675.222.686)
<b>Cộng</b>	<b><u>55.468.940.804</u></b>	<b><u>66.223.196.879</u></b>

**Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	Đơn vị: VND			
	<u>30/09/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	<b>Số</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>lượng</b>		<b>lượng</b>	
Công ty Đầu tư phát triển Giáo dục (EID)	595.000	5.995.152.174	677.500	6.890.425.375
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh (STC)	202.300	2.502.648.939	258.300	3.195.404.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên (HST)	239.000	2.413.900.000	239.000	2.413.900.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (EBS)	0	0	132.000	1.025.323.525
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh (SGD)	-	-	-	-
Các loại cổ phiếu khác		1.437.530.191		2.958.080.426
<b>Cộng</b>		<b><u>12.349.231.304</u></b>		<b><u>16.483.133.786</u></b>

**5.5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	Đơn vị: VND	
	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Thuế môn bài	3.000.000	-
Thuế TNCN nộp thừa	38.311.206	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
<b>Tổng</b>	<b><u>41.311.206</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	Đơn vị: VND	
	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tạm ứng	10.000.000	1.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b><u>10.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000</u></b>

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị: VND		
	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	587.034.280	165.891.283	752.925.563
Tăng trong kỳ			
Mua trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số dư tại 30/09/2011	<u>587.034.280</u>	<u>165.891.283</u>	<u>752.925.563</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	281.287.253	117.215.567	398.502.820
Tăng trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ	55.034.464	26.638.634	81.673.098
Giảm trong kỳ			
Số dư tại 30/09/2012	<u>336.321.717</u>	<u>143.854.201</u>	<u>480.175.918</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2012	<u>305.747.027</u>	<u>48.675.716</u>	<u>354.422.743</u>
Tại 30/09/2012	<u>241.712.563</u>	<u>22.037.082</u>	<u>272.749.645</u>

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**5.11 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua trong năm nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Lô E5 thuộc khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ Royal Era 1, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN/HN

**5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị: VND

	<b>30/09/2012</b>		<b>01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Đầu tư vào Công ty Con</b>	-	<b>6.000.000.000</b>	-	<b>6.000.000.000</b>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI				
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>13.000.000.000</b>		<b>14.320.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam		13.000.000.000		14.320.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>17.500.000.000</b>		<b>17.500.000.000</b>
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Viện công nghệ Giáo dục	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty CP Tòa nhà Cavico Việt Nam		11.500.000.000		11.500.000.000
<b>Tổng</b>		<b>36.500.000.000</b>		<b>37.820.000.000</b>
		75.629.788		75.629.788
<b>Cộng</b>		<b>36.424.370.212</b>		<b>31.744.370.212</b>

**Thông tin bổ sung về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam:**

Đầu tư theo Hợp đồng liên doanh số 01/2008/HĐLD ngày 20 tháng 02 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (Incomex-Pushishing House) thực hiện đầu tư xây dựng Công trình hỗn hợp cao tầng tại 187 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**5.14 Chi phí trả trước dài hạn**

Đơn vị: VND

	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Công cụ dụng cụ quản lý đã xuất dùng	15.501.124	19.430.345
<b>Cộng</b>	<b>15.501.124</b>	<b>19.430.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN/HN

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
		Đơn vị: VND
Thuế giá trị gia tăng	36.003.465	111.028.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.687.064	478.949.490
Thuế thu nhập cá nhân		69.232.885
<b>Cộng</b>	<b>330.690.529</b>	<b>659.211.585</b>

**5.18 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/09/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
		Đơn vị: VND
- Kinh phí công đoàn	19.182.571	37.815.960
- Nhận ủy thác đầu tư	744.890.000	6.414.890.000
- Bảo hiểm xã hội	58.122.112	39.876.481
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Lãi ủy thác công ty CP IP	58.931.000	58.931.000
- BHTN	-	-
- Phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>881.125.683</b>	<b>6.551.513.441</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5.22 Vốn chủ sở hữu**  
**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(2.549.028.525)</b>	<b>535.964.300</b>	<b>637.998.526</b>	<b>13.869.873.600</b>	-	<b>169.586.140.478</b>
<b>Tăng trong năm</b>				<b>527.165.290</b>	<b>527.165.290</b>	<b>10.589.054.763</b>	<b>821.772.270</b>	<b>12.465.157.613</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	10.589.054.763	-	10.543.305.792
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	527.165.290	527.165.290	-	821.772.270	1.876.102.850
Mua lại cổ phiếu	-	-	(12.731.812.100)	-	-	-	-	(12.731.812.100)
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.970.225.140</b>	<b>526.566.665</b>	<b>11.496.791.805</b>
PP LN 2009 vào các quỹ	-	-	-	-	-	8.566.957.000	-	8.566.957.000
Chi khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	2.403.268.140	526.566.665	2.929.834.805
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(15.280.840.625)</b>	<b>1.063.129.590</b>	<b>1.165.163.816</b>	<b>13.486.786.622</b>	<b>295.205.605</b>	<b>157.820.777.585</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(15.280.840.625)</b>	<b>1.063.129.590</b>	<b>1.165.163.816</b>	<b>13.486.786.622</b>	<b>295.205.605</b>	<b>157.820.777.585</b>
- Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	8.827.448.785	-	8.827.448.785
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	-	22.522.570	1.148.682.222
- Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.711.762.048	216.300.000	1.928.062.048
- Chi cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	10.762.248.000	-	10.762.248.000
- Giảm khác (mua cp quỹ)	-	-	(2.521.838.875)	-	-	-	-	(2.521.838.875)
<b>Số dư cuối kỳ này (30/09/2012)</b>	<b>134.257.000.000</b>	<b>22.834.332.577</b>	<b>(17.802.679.500)</b>	<b>1.626.209.416</b>	<b>1.728.243.642</b>	<b>9.840.225.359</b>	<b>101.428.175</b>	<b>152.584.759.669</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/9/2012**

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Đơn vị: VND	
Cổ đông sáng lập	16.540.000.000	16.540.000.000
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.350.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.250.000.000	1.250.000.000
- Cổ đông khác	117.717.000.000	117.717.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>134.257.000.000</u></b>	<b><u>134.257.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	Đơn vị: VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.762.248.000	8.566.957.000

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/09/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>13.425.700</b>	<b>13.425.700</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>2.683.700</b>	<b>2.220.800</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.683.700	2.220.800
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.742.000</b>	<b>11.204.900</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.742.000	11.204.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính Quý III/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5.23 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị: VND	
	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.219.203.630</b>	<b>17.541.235.651</b>
- Doanh thu bán hàng	-	11.322.727.237
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.219.203.630	6.218.508.378

**5.25 Giá vốn hàng bán**

	Đơn vị: VND	
	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011
- Giá vốn của bán hàng	-	10.834.184.909
- Giá vốn của cung cấp dịch vụ	2.675.027.041	2.384.482.533
<b>Cộng</b>	<b>2.675.027.041</b>	<b>13.218.667.442</b>

**5.26 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị: VND	
	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.154.062.706	11.506.106.410
- Lãi đầu tư cổ phiếu	532.365.340	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.584.262.948	1.664.416.466
- Phí uỷ thác đầu tư được hưởng	-	2.500.000
- Khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.270.690.994</b>	<b>13.173.022.876</b>

**5.27 Chi phí tài chính**

	Đơn vị: VND	
	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011
- Lãi vay	305.556	9.000.000
- Chi phí tài chính khác	490.125	-
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-1.716.898.785	7.159.254.850
<b>Cộng</b>	<b>-1.716.103.104</b>	<b>7.168.254.850</b>

**5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành**

	Đơn vị: VND	
	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.996.663.583	9.226.330.675
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế		
- TNDN	1.584.262.948	1.664.416.466
<i>Cổ tức, lãi được chia từ hoạt động liên doanh kết từ nguồn lợi nhuận sau thuế</i>	<i>1.584.262.948</i>	<i>1.664.416.466</i>
- Thu nhập chịu thuế TNDN	10.412.400.635	7.561.914.209
- Chi phí thuế TNDN	-	-
- Thuế suất	25%	25%
<b>Cộng</b>	<b>2.603.100.160</b>	<b>1.907.799.462</b>

**5.29 Lãi trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012- 30/09/2012</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2011- 30/09/2011</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)</b>	8.827.448.785	7.318.531.213
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	8.827.448.785	7.318.531.213
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.742.000	12.303.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>820</b>	<b>595</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2012*

**Kế toán trưởng**

**Phó Giám đốc**

**Bùi Văn Dũng**

**Nguyễn Thị Hồng Điệp**